

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 04/04/2018

“V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.
Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Dự và ông Vũ Đức Bính.
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu Hà, thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.
- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Ông Ninh Trọng Khánh, kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 04 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 120/2017/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 03 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lưu Văn Đ, sinh năm 1981; Cư trú tại: xóm H, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Có mặt
- *Bị đơn:* Chị Trần Thị L, sinh năm 1979; Cư trú tại xóm 3, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Lưu Văn Đ và chị Trần Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ ngày 05/01/2011; sau khi kết hôn vợ chồng sống tại xóm H, xã V, huyện K sau một thời gian sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn; do mâu thuẫn vợ chồng đến năm 2015 chị L về nhà mẹ đẻ về xóm 3, xã Đ, huyện K sống ly thân với anh Đ từ đó đến nay.

Nguyên đơn anh Lưu Văn Đ cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm lối sống mâu thuẫn này đã kéo dài nhiều năm, mặc dù vợ chồng đã cố gắng tìm cách khắc phục và đã được hai bên gia đình hai bên khuyên giải nhưng không cải thiện được nên vợ chồng anh đã sống ly thân. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không khắc phục được anh yêu cầu giải quyết ly hôn giải phóng cho cả hai.

Bị đơn chị Trần Thị L thì lại xác định nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc anh Đ chơi bời, cờ bạc, quan hệ bất chính nên mới xảy ra mâu thuẫn vợ chồng

và từ mâu thuẫn vợ chồng đã dẫn đến mâu thuẫn giữa chị với gia đình nhà chồng; mâu thuẫn không giải quyết được nên hai bên đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Chị cũng xác định chị và anh Đ không sống chung được với nhau nữa nhưng chị không đồng ý ly hôn; yêu cầu giữ nguyên tình trạng sống ly thân, không ly hôn vì con chung cần có cha và mẹ. Trường hợp phải ly hôn thì yêu cầu anh Đ phải bồi thường tuổi thanh xuân cho chị.

Về con chung: vợ chồng anh Đ và chị L đều xác định chỉ có 2 con chung là Lưu Ngọc L sinh ngày 20/11/2001 và Lưu Khôi N sinh ngày 23/5/2009 hiện đang do chị L nuôi dưỡng. Khi ly hôn ban đầu anh Đ yêu cầu được nuôi cả hai con chung nhưng sau đó nhường quyền nuôi con cho chị L đề nghị đóng góp tiền nuôi con cho chị L mỗi tháng là 3.000.000 đồng/ cho hai cháu (1.500.000đ/ cháu/ tháng). Chị L cũng có yêu cầu được nuôi cả hai con chung nếu vợ chồng ly hôn và đồng ý với mức đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung do anh Đ đưa ra nhưng yêu cầu anh Đ phải đóng góp 01 lần tiền nuôi 2 con chung từ 01 tuổi cho đến khi 18 tuổi là 684.000.000 đồng.

Con chung của hai anh chị là các cháu Lưu Ngọc L và Lưu Khôi N khi được hỏi ý kiến đều có mong muốn được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K: Về tố tụng người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326 / 2016 / NQUBTV QH14. Xử lý hôn giữa anh Lưu Văn Đ và chị Trần Thị L; giao chị L trực tiếp nuôi con chung; anh Đ phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung với chị L mỗi tháng là 3.000.000 đồng/ cho hai cháu (1.500.000đ/ cháu/ tháng); không chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường tuổi thanh xuân cũng như yêu cầu buộc anh Đ phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con 01 lần của chị L; anh Đ phải nộp 300.000^d án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000^d án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: anh Lưu Văn Đ khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với chị Trần Thị L cư trú tại xóm 3, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 26 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K.

[2] Anh Lưu Văn Đ và chị Trần Thị L kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 05/01/2001 tại UBND xã Đ; sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì mới phát sinh mâu thuẫn; do mâu thuẫn vợ chồng đến năm 2015 chị L về xóm 3, xã Đ, huyện K sống ly thân với anh Đ. Tuy nguyên nhân diễn biến mâu thuẫn dẫn đến việc sống ly thân hai bên trình bày khác biệt nhau nhưng trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hai bên đều xác định vì mâu thuẫn vợ chồng không giải quyết được dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn nên hiện nay không thể chung sống cùng nhau được nữa. Xác minh tình trạng hôn nhân của chị L và anh Đ tại UBND xã Đ là nơi chị L cư trú thì chính quyền địa phương xác nhận từ đầu

năm 2015 do mâu thuẫn vợ chồng chị L và các con đã chuyển hộ khẩu thường trú từ xã V về xã Đ từ năm 2015 đến nay.

[3] Như vậy tuy nguyên nhân mâu thuẫn các bên trình bày khác nhau nhưng đều xác định vì mâu thuẫn vợ chồng không giải quyết được hai bên đã ly thân từ năm 2015 đến nay không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Việc chị L xác định vợ chồng không thể chung sống cùng nhau được vì mâu thuẫn đã trầm trọng nhưng yêu cầu duy trì tình trạng ly thân và chỉ chấp nhận ly hôn khi được đền bù tuổi thanh xuân là không có căn cứ và hạn chế quyền định đoạt cuộc sống của công dân. Từ những căn cứ đó đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của anh Đ và L hiện nay đã trầm trọng, không còn khả năng khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình yêu cầu của anh Đ ly hôn chị L là có căn cứ được chấp nhận.

[4] Vợ chồng anh Đ và chị L có 2 con chung là Lưu Ngọc L sinh ngày 20/11/2001 và Lưu Khôi N sinh ngày 23/5/2009 hiện đang do chị L nuôi dưỡng; chị L yêu cầu được nuôi cả hai con chung nếu vợ chồng ly hôn; anh Đ cũng đồng ý để chị L trực tiếp nuôi cả hai con chung khi vợ chồng ly hôn; con chung của hai anh chị là các cháu Lưu Ngọc L và Lưu Khôi N khi được hỏi ý kiến đều có mong muốn được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn; căn cứ Điều 81 luật HNGĐ việc giao cả hai con cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh Đ đề xuất mức cấp dưỡng nuôi con chung với chị L mỗi tháng là 3.000.000 đồng/ 02 con/tháng (1.500.000đ/ cháu/tháng), hiện tại anh Đ là lao động phổ thông tự do thu nhập khoảng 5 triệu đồng /tháng; so với thực tế thu nhập lao động tự do tại địa phương thì mức đóng của anh Đ đưa ra là phù hợp; căn cứ khoản 2, Điều 82 LHNGĐ mức đóng góp này được chấp nhận.

[6] Đối với yêu cầu của chị L buộc anh Đ phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con một lần cho cả hai con chung từ khi 01 tuổi đến khi con chung 18 tuổi là 684.000.000 đồng thì anh Đ xác định không có điều kiện thực hiện, mặt khác chị L cũng không có căn cứ chứng minh thu nhập thực tế của anh Đ cụ thể hiện nay như thế nào có thể thực hiện yêu cầu đó hay không; theo quy định tại Điều 282 BLDS trách nhiệm này có thể thực hiện theo định kỳ nên yêu cầu của chị không được chấp nhận.

[7] Về tài sản chung: Khi ly hôn hai bên đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 buộc anh Đ phải nộp toàn bộ án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật HNGĐ; Điều 282 BLDS; Điều 147 Bộ luật TTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử lý hôn giữa anh Lưu Văn Đ và chị Trần Thị L.

2/ Giao chị Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục cả hai con chung là Lưu Ngọc L sinh ngày 20/11/2001 và Lưu Khôi N sinh ngày 23/5/2009 đến khi thành niên. Không bên nào được cản trở quyền thăm nom chăm sóc con chung.

3/ Anh Lưu Văn Đ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung với chị L 3.000.000 đồng/ 02 con/tháng . Cụ thể: cháu Lưu Ngọc L 1.500.000^d/tháng kể từ tháng 04/2018 cho đến khi thành niên; cháu Lưu Khôi N 1.500.000^d/tháng kể từ tháng 04/2018 cho đến khi thành niên.

4/ Bác yêu cầu của chị L buộc anh Đ phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con một lần cho cả hai con chung từ 01 tuổi đến khi con chung thành niên.

5/ Anh Lưu Văn Đ phải nộp 300.000^d án phí ly hôn và 300.000^d án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào số tiền 300.000^d tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA 2759 ngày 15/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Còn phải nộp tiếp 300.000^d .

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại Điều 357 và Điều 468 BLDS.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thế Anh

